

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/DS-ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2023
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Hồng Thắm

2. Ông Lương Văn Cầu

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2023/QĐST-DS ngày 24/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Quách Tấn T, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: tổ D, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Quách Tấn T: Ông Quách Thanh P, sinh năm 1977. Địa chỉ: số D, H, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2023 được công chứng tại Văn phòng C. Có mặt

- Bị đơn: Ông Mai Văn L, sinh năm 1974. Vắng mặt

Bà Đinh Thị Kim P1, sinh năm 1974. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: tổ D, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2023, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Quách Tấn T do ông Quách Thanh P đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Nguồn gốc số tiền vay mà ông Quách Tấn T khởi kiện trước đây là bà Đinh Thị K (chị ruột của bà Đinh Thị Kim P1) có vay của ông Quách Tấn T số tiền 1.050.000.000đồng. Sau đó bà K không trả được nợ nên ông T có nộp đơn khởi kiện và yêu cầu phong tỏa tài sản của bà K. Do đó việc chuyển nhượng giữa bà K với ông L và bà P1 không thực hiện được nên các bên gồm: bà K, ông L và bà P1, ông T có ngòi thỏa thuận được nhau là ông T sẽ rút đơn khởi kiện bà K để ông L và bà P1 được sang tên quyền sử dụng đất của bà K. Số nợ của bà K thì ông L và bà P1 sẽ đứng ra trả nợ thay và ông L và bà P1 có trả cho ông T được số tiền 500.000.000đồng, còn lại 550.000.000đồng các bên ngòi lại viết Tờ cam kết (về việc trả nợ vay) ngày 14/11/2022, thỏa thuận 6 tháng sẽ trả cho ông T nợ vốn 25.000.000đồng cho đến khi hết nợ 550.000.000đồng, lãi sẽ trả mỗi tháng 1%/tháng trên số tiền 550.000.000đồng, ông L và bà P1 thống nhất ký vào tờ cam kết nêu trên.

Tuy nhiên, sau đó ông L và bà P1 chỉ trả cho ông T được 2 tháng tiền lãi được 11.000.000đồng thì ngưng cho đến nay.

Do đó, nay ông T yêu cầu ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 có trách nhiệm trả cho ông số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo thỏa thuận 1%/tháng, tính từ ngày 14/2/2023 đến khi Tòa án xét xử.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Tờ cam kết (về việc trả nợ vay) ngày 14/11/2022.

**Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 có ý kiến:*

Ông bà thống nhất nguồn gốc số tiền vay mà ông T khởi kiện là trước đây của bà Đinh Thị K là chị ruột của bà Đinh Thị Kim P1 có vay ông T số tiền tổng cộng là 1.050.000.000đồng.

Tuy nhiên, sau đó bà K không trả được nợ nên ông T có nộp đơn khởi kiện và yêu cầu phong tỏa tài sản của bà K nên việc chuyển nhượng giữa bà K với ông bà không thực hiện được. Do đó ông bà gồm: bà K, ông L và bà P1, ông T có ngòi thỏa thuận được nhau như sau: ông T sẽ rút đơn khởi kiện bà K tại Tòa án, để ông bà được sang tên quyền sử dụng đất của bà K.

Sau đó ông bà đã có trả cho ông T được số tiền 500.000.000đồng, còn lại 550.000.000đồng thì các bên có viết Tờ cam kết (về việc trả nợ vay) ngày 14/11/2022 với thỏa thuận 6 tháng sẽ trả cho ông T nợ vốn 25.000.000đồng cho đến khi hết nợ 550.000.000đồng, lãi sẽ trả mỗi tháng 1%/tháng trên số tiền 550.000.000đồng.

Sau đó ông bà có trả cho ông T được 2 tháng tiền lãi được 11.000.000đồng thì ngưng do việc làm ăn gặp khó khăn.

Hiện nay ông bà đã sang tên được tài sản giữa ông bà với bà K, nhưng chưa bán được tài sản để trả nợ cho ông T.

Do đó, nay qua yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông bà có trách nhiệm trả cho ông số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo thỏa thuận 1%/tháng từ ngày 14/2/2023 đến khi Tòa án xét xử, thì ông bà không đồng ý. Ông bà xác định có ký tên vào Tờ cam kết (về việc trả nợ vay) ngày 14/11/2022 nhưng đã trình bày trên, và xác định sẽ có trách nhiệm đối với số tiền còn nợ. Tuy nhiên, do việc làm ăn gặp khó khăn, tài sản chưa bán được nên ông bà xin được trả dần số tiền còn nợ 550.000.000đồng, định kỳ 6 tháng một lần ông bà sẽ trả 25.000.000đồng cho đến khi hết số tiền vốn còn nợ. Đối với tiền lãi thì yêu cầu không tính lãi do ông bà đang gặp khó khăn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Quách Tấn T do ông Quách Thanh P đại diện theo ủy quyền có kiến: Xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Mai Văn P2 và bà Đinh Thị Kim P1 có trách nhiệm trả cho ông Quách Tấn T số tiền vốn 550.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/2/2023 cho đến khi Tòa án xét xử theo lãi suất đã thỏa thuận là 1%/tháng.

- Bị đơn ông L, bà P1: vắng mặt, không ghi nhận ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ông Quách Tấn T khởi kiện yêu cầu ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông L và bà P1 cư ngụ tại tổ D, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thủ tục ủy quyền: Nguyên đơn ông Quách Tấn Thành ủy q cho ông Quách Thanh P, sinh năm 1977. Địa chỉ: số D, H, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo văn bản ủy quyền ngày 11/7/2023 được công chứng tại Văn phòng C. Xét, việc ủy quyền là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 vẫn vắng mặt không lý do, xem như các đương sự tự bỏ quyền tham gia tố tụng của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L, bà P1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Ông Quách Tấn T khởi kiện yêu cầu ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 có trách nhiệm trả cho ông số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo thỏa thuận 1%/tháng từ ngày 14/2/2023 đến khi Tòa án xét xử.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Tờ cam kết (về việc trả nợ vay) ngày 14/11/2022.

[2.2]. Bị đơn ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 có ý kiến: Xác định có ký tên Tờ cam kết (về việc trả nợ vay) ngày 14/11/2022 với nội dung thỏa thuận như nguyên đơn ông T trình bày. Xác định sẽ có trách nhiệm trả số tiền còn nợ. Tuy nhiên, do việc làm ăn gặp khó khăn, tài sản chưa bán được nên ông bà xin được trả dần số tiền còn nợ 550.000.000đồng, định kỳ 6 tháng một lần sẽ trả 25.000.000đồng cho đến khi hết số tiền vốn còn nợ. Đối với tiền lãi thì yêu cầu không tính lãi do đang gặp khó khăn.

[2.3]. Xét yêu cầu khởi kiện và chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, T1 cam kết (về việc trả nợ vay) ngày 14/11/2022 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung, hình thức hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Qua lời trình bày của đương sự, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Xét thấy, ông T, ông L và bà P1 đều thống nhất các bên tự nguyện thỏa thuận khi xác lập Tờ cam kết (về việc trả nợ vay) ngày 14/11/2022. Ông L và bà P1 thừa nhận còn nợ ông T số tiền 550.000.000đồng, đến nay chưa thanh toán đủ cho ông T số tiền còn nợ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định, những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ bản chính Tờ cam kết (về việc trả nợ vay) ngày 14/11/2022 do các bên xác lập là chứng cứ giải quyết vụ án.

Do ông L và bà P1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu ông L và bà P1 phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 550.000.000đồng, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với việc ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 xin được trả dần số tiền vốn còn nợ 550.000.000đồng, định kỳ 6 tháng một lần ông bà sẽ trả 25.000.000đồng cho đến khi hết số tiền vốn còn nợ cho ông T và yêu cầu không tính lãi do ông bà đang gặp khó khăn, nhưng không được nguyên đơn ông T đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

[2.5] Về lãi suất: Ông T, ông L và bà P1 thống nhất việc ông L và bà P1 có trả được 2 tháng tiền lãi (tháng 12/2022 và tháng 1/2023) với tổng số tiền 11.000.000đồng, với lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thì ngưng không thanh toán tiếp cho ông T. Xét thấy, việc ông L và bà P1 không tiếp tục trả lãi cho ông T như theo thỏa thuận đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên ông T yêu cầu ông L và bà P1 phải có trách nhiệm trả lãi từ ngày 14/2/2023 cho đến khi Tòa án xét xử theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 1%/tháng, là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự, nên có căn cứ để chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 14/2/2023 đến ngày xét xử (ngày 21/8/2023) là 6 tháng 07 ngày:

=> 550.000.000 đồng x 1%/tháng x 6 tháng 07 ngày = 34.283.333đồng
(làm tròn là 34.283.000 đồng)

Tổng tiền vốn và lãi ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Quách Tấn T là 584.283.000đồng (vốn 550.000.000 đồng + lãi 34.283.000đồng).

[3] Về án phí dân sự: Ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông Quách Tấn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463; 466; 468; 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Tấn T đối với ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1.

Buộc ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Quách Tấn T tổng số tiền 584.283.000đ (Năm trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn đồng); trong đó vốn 550.000.000đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng), lãi 34.283.000đồng (Ba mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/8/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự:

Ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 phải chịu 27.371.000đồng (Hai mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Quách Tấn T được nhận lại số tiền 13.160.000đồng (Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004333, ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Quách Tấn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Mai Văn L và bà Đinh Thị Kim P1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THÂM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Châu Thành;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS H. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Trần Thị Xuân Bích